NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2019

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;*
- *Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng (TCTD) số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp nhận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài;*
- *Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/05/2016 và Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014; Thông tư số 16/2018/TT-NHNN ngày 31/07/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014;*
- *Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;*
- *Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng Hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á;*

I. NHU CẦU, SỰ CẦN THIẾT ĐỂ QUYẾT ĐỊNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Kết thúc năm 2018, VietABank đạt lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 151 tỷ đồng, Tổng tài sản là 71.291 tỷ đồng và vốn điều lệ đạt 3.499.99 tỷ đồng. Theo kế hoạch kinh doanh năm 2019 thì Tổng tài sản sẽ tăng lên thành 75.652 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2018, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 281 tỷ đồng, tăng 86% so với năm 2018.

Nhằm tăng cường năng lực hoạt động và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 của VietABank thông qua, việc tăng vốn điều lệ của VietABank từ 3.499.990.470.000 đồng *(Ba nghìn, bốn trăm*

chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) lên 5.004.986.370.000 đồng *(Năm nghìn không trăm lẻ bốn tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)* là hết sức cần thiết.

Lý do, sự cần thiết tăng Vốn điều lệ của VietABank:

- Tăng vốn theo lộ trình như đã đề cập trong Phương án Cơ cấu lại trên cơ sở thực tế tình hình thị trường Tài chính Ngân hàng;
- Nâng quy mô và chất lượng tài sản sinh lời, tăng cường khả năng đầu tư tài sản và đầu tư kinh doanh, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động Ngân hàng và cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới;
- Tạo cơ sở để mở rộng hệ thống mạng lưới các Chi nhánh (CN), Phòng Giao dịch (PGD) nhằm gia tăng lượng khách hàng và khả năng phục vụ khách hàng;
- Tăng cường năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và mở cửa lĩnh vực ngân hàng – tài chính, nâng cao khả năng chống đỡ với các rủi ro trong hoạt động và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động.
- Dự kiến trong năm 2019, VietABank sẽ tăng Vốn điều lệ lên mức 5.004.986.370.000 đồng, vốn tăng thêm 1.504.995.900.000 đồng theo phương án sử dụng vốn tăng thêm như sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Giá trị (đồng)
1	Mở rộng thị phần thông qua việc mở rộng mạng lưới hoạt động: phát triển thêm 07 CN/PGD; chuyển đổi quy hoạch một số điểm kinh doanh có vị trí chưa phù hợp.	35.000.000.000
2	Bổ sung nguồn vốn mua sắm, sửa chữa tài sản cố định (nhà đất, xe ô tô, trang thiết bị CNTT, máy ATM…). sửa chữa nâng cấp văn phòng, trang thiết bị làm việc và hình ảnh một số Đơn vị kinh doanh chưa đạt tiêu chuẩn.	55.000.000.000
3	Bổ sung nguồn vốn, tăng cường năng lực tài chính cho hoạt động kinh doanh.	1.414.995.902.100
	Tổng cộng	**1.504.995.902.100**

II. NỘI DUNG CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Nội dung tăng vốn

a. Mức vốn điều lệ tăng thêm

Vốn điều lệ hiện tại	3.499.990.470.000 đồng *(Ba nghìn bốn trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)*
Vốn điều lệ tăng thêm	1.504.995.900.000 đồng *(một nghìn năm trăm lẻ tư tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng)*
Vốn điều lệ sau khi tăng	5.004.986.370.000 đồng *(năm nghìn không trăm lẻ bốn tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)*

b. ***Nguồn sử dụng để tăng Vốn điều lệ:*** Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Chào bán theo quyền mua cho cổ đông hiện hữu.

c. ***Kế hoạch thực hiện:*** Thời điểm phát hành cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

d. ***Thời gian dự kiến hoàn thành tăng vốn điều lệ:*** Trong Quý III năm 2019

2. Chi tiết phương án phát hành thông qua việc chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á
3	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông. không hạn chế chuyển nhượng
4	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
5	Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến	150.499.590 cổ phiếu *(Một trăm năm mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm chín mươi cổ phiếu)*
6	Hình thức chào bán	Chào bán ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu
7	Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu của VietABank tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
8	Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến	100:43 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được 1 quyền mua và cứ 100 quyền mua được mua 43 cổ phiếu mới phát hành thêm, số cổ phiếu mới phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị)
9	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không chào bán hết trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua	Số lượng cổ phiếu chào bán cho mỗi Cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Đối với cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán số cổ phần chào bán cho từng cổ đông và cổ phiếu còn dư trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc chỉ thực hiện một phần quyền mua, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT chào bán cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu, có thể thấp hơn giá thị trường và/hoặc có thể thấp hơn giá trị sổ sách 01 cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phần lẻ, còn dư được HĐQT chào bán cho đối tượng khác này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
10	Chuyển nhượng quyền mua	Quyền mua được thực hiện chuyển nhượng 01 (một) lần

11	Giá chào bán dự kiến	10.000 đồng/cổ phiếu
12	Nguyên tắc xác định	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018 là 12.099 đồng/cổ phiếu *(Mười hai nghìn không trăm chín mươi chín đồng/cổ phiếu)* (căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018). Do là đợt phát hành cổ phần cho Cổ đông hiện hữu nên HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu *(Mười nghìn đồng/cổ phiếu).*
13	Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến	1.504.995.900.000 đồng *(một nghìn năm trăm lẻ tư tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng)*
14	Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành:	150.499.590 cổ phiếu *(Một trăm năm mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm chín mươi cổ phiếu)*
15	Vốn điều lệ sau khi phát hành	5.004.986.370.000 đồng *(Năm nghìn không trăm lẻ tư tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).*
14	Thời gian phát hành dự kiến	Thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VietABank quyết định sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án phát hành.
15	Cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức	Công ty cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

3. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi tăng Vốn điều lệ

3.1. Bảng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2019

Đơn vị: tỷ đồng, %

STT	CHỈ TIÊU	TH 2018	KH 2019	% TĂNG (GIẢM)	
				+/-	%
A	**TÀI SẢN**				
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**319**	**350**	**31**	**10%**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	**441**	**500**	**59**	**13%**
III	**Tiền gửi/cho vay TCTD khác**	**15.268**	**17.332**	**2.064**	**14%**
IV	**Công cụ tài chính phái sinh**	**1**	**-**	**(1)**	
V	**Dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)**	**38.123**	**40.383**	**2.261**	**6%**
1	Cho vay khách hàng & TPDN (*)	38.516	40.760	2.244	6%
2	Dự phòng rủi ro tín dụng	394	377	(17)	-4%
VI	**Hoạt động đầu tư**	**11.809**	**11.809**	**-**	**0%**
1	Hoạt động đầu tư	12.456	12.456	-	0%
2	Dự phòng giảm giá	647	647	-	
VII	**Tài sản cố định**	**195**	**194**	**(1)**	**-1%**
VIII	**Bất động sản đầu tư**	**-**	**-**	**-**	

IX	**Tài sản có khác**	**5.135**	**5.084**	**(51)**	**-1%**
	TỔNG TÀI SẢN	**71.291**	**75.652**	**4.361**	**6%**
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			**-**	
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	**10**	**10**	**(0)**	
II	**Tiền gửi và tiền vay của TCTD khác**	**22.715**	**19.465**	**(3.250)**	**-14%**
III	**Tiền gửi của Khách hàng**	**41.367**	**47.395**	**6.028**	**15%**
IV	**Công cụ tài chính phát sinh**	**-**	**-**	**-**	
V	**Phát hành Giấy tờ có giá**	**1.682**	**1.969**	**287**	**17%**
VI	**Vốn tài trợ ủy thác đầu tư**	**14**	**14**	**(0)**	**-2%**
VII	**Các khoản nợ khác**	**1.268**	**834**	**(434)**	**-34%**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**67.056**	**69.687**	**2.631**	**4%**
VIII	**Vốn và các quỹ**	**4.235**	**5.965**	**1.730**	**41%**
1	Vốn của TCTD	3.500	5.005	1.505	43%
	Vốn điều lệ	3.500	5.005	1.505	43%
2	Quỹ của TCTD	196	230	34	17%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	539	730	191	35%
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH	**71.291**	**75.652**	**4.361**	**6%**

(*) Cho vay khách hàng & trái phiếu doanh nghiệp.

3.2. Bảng chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và chỉ số an toàn hoạt động năm 2019

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	**Năm 2018**	**KH 2019**	**Tăng trưởng**	
			Số tuyệt đối	**Tỷ lệ tăng trưởng (%)**
1. Các chỉ tiêu hoạt động				
1.1 Vốn chủ sở hữu	4.235	5.965	1.730	41%
1.2 Vốn Điều lệ	3.500	5.005	1.505	43%
1.3 Tổng Tài sản	71.291	75.652	4.361	6%
1.4 Cho vay khách hàng (bao gồm TPDN)	38.516	40.760	2.244	6%
1.5 Tiền gửi của khách hàng (bao gồm GTCG)	43.049	49.364	6.315	15%
1.6 Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	22.715	19.465	(3.250)	-14%
1.7 Lợi nhuận trước thuế	151	281	131	87%
1.8 Lợi nhuận sau thuế	118	225	107	91%
1.9 Tỷ suất LNST trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	2,79%	5,12%	2,3%	84%
1.10 Tỷ suất LNST trên Tổng tài sản bình quân (ROA)	0,17%	0,30%	0,1%	80%
1.11 Tỷ lệ nợ xấu	1,37%	<2%		
2. Các tỷ lệ an toàn hoạt động (*)				
2.1 Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu				
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ	*9,0%*	*≥ 9%*		
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất	*10,1%*	*≥ 9%*		
2.2 Giới hạn cấp tín dụng				
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng/vốn tự có	*14,1%*	*≤ 15%*		

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan/vốn tự có	*23,7%*	*≤ 25%*		
2.3. Tỷ lệ về khả năng chi trả				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	*19,6%*	*≥ 10%*		
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam	*55,6%*	*≥ 50%*		
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ	*54,0%*	*≥ 10%*		
2.4 Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn	39,6%	≤ 40%		
2.5 Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó	14,4%	≤ 30%		
2.6 Giới hạn góp vốn, mua cổ phần				
Mức góp vốn, mua cổ phần của VietABank và các công ty con, công ty liên kết / Vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp	*≤ 11%*	*≤ 11%*		
Tổng mức góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp / Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VietABank	*25,3%*	*≤ 40%*		
2.7 Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	64,6%	≤ 80%		

(*) Ngoài các chỉ tiêu tỷ lệ bảo đảm an toàn nêu trên, VietABank cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định khác của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

4. Dự kiến thay đổi về cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các Cổ đông lớn. Cổ đông là thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát (BKS), Tổng Giám đốc (TGĐ) của Ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ

Các Cổ đông lớn, cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, TGĐ của VietABank đăng ký mua toàn bộ cổ phần theo tỷ lệ thực hiện quyền (100:43) thì khi đó tỷ lệ sở hữu của Cổ đông lớn, Cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, TGĐ của VietABank sau khi tăng vốn điều lệ có sự thay đổi như chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm. Tuy nhiên các tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông trên vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định giới hạn sở hữu cổ phần của NHNN. *(Chi tiết đính kèm Phụ lục 1).*

5. Khả năng quản trị, giám sát của VietABank

a. Vốn điều lệ tăng thêm đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VietABank cũng phải nâng lên một tầm cao mới. Các thành viên HĐQT, BKS đều có uy tín, trình độ, kinh nghiệm quản trị Ngân hàng và có nhiều tâm huyết, đóng góp vào sự phát triển của Ngân hàng. VietABank luôn đảm bảo số lượng thành viên HĐQT và thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các mảng hoạt động của Ngân hàng nhằm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của ngành, HĐQT làm việc theo chế độ thường trực. Với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp VietABank phát triển nhanh và vững chắc.

b. VietABank đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát toàn bộ công tác quản trị rủi ro trên mọi lĩnh vực hoạt động của ngân

hàng, đồng thời tham mưu cho HĐQT các chính sách, biện pháp khắc phục và phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành Ngân hàng. VietABank đang tích cực triển khai thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, thông tư 41 41/2016/TT-NHNN về tỷ lệ an toàn vốn nhằm tăng cường quản trị rủi ro và an toàn hoạt động của ngân hàng, tiến tới thực hiện quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

c. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với sự hỗ trợ của Hệ thống kiểm toán nội bộ. Bộ phận kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ với các bộ phận, nhân viên đặt tại từng Chi nhánh, vùng, kiểm tra, giám sát hoạt động của từng bộ phận nghiệp vụ và đã đề xuất, đưa ra các ý kiến giúp Ban Điều hành kịp thời đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục trong hoạt động ngân hàng.

d. Ban Điều hành VietABank là những người có năng lực và kinh nghiệm trong ngành tài chính - ngân hàng. Hoạt động điều hành việc thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã thành lập Phòng Quản lý Rủi ro thực hiện việc phân tích, đánh giá và đưa ra những đề xuất cho công tác kiểm soát rủi ro của Ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ.

e. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có năng lực, đoàn kết, có ý thức chấp hành luật pháp và luôn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản trị và điều hành hoạt động VietABank.

f. Hiện nay hệ thống công nghệ thông tin của VietABank đã được trang bị phần mềm lõi Core Banking của ORACLE, ngày càng được nâng cấp và hoàn chỉnh để đáp ứng tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong hoạt động Ngân hàng.

g. Các biện pháp chính để thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã đề ra:

(i) *Huy động vốn*

- Thực hiện các chính sách hợp lý về lãi suất, đưa ra các chương trình sản phẩm đa dạng, linh hoạt, kịp thời, đổi mới phong cách giao dịch, rút ngắn thời gian thực hiện đối với một giao dịch.

- Tiếp tục cân đối lại nguồn vốn và sử dụng vốn trên thị trường 1, tích cực phát triển các mối quan hệ, mở rộng các hoạt động khai thác kinh doanh vốn trên thị trường 2 để gia tăng khả năng thanh khoản.

- Chú trọng phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới có tính đột phá và sáng tạo, khai thác các nguồn vốn giá rẻ;

(ii) *Hoạt động tín dụng*

- Thực hiện chính sách ưu đãi đối với khách hàng truyền thống có định mức tín nhiệm cao và dòng tiền ổn định; xây dựng chính sách lãi suất cho vay, hình thức cho vay đa dạng để thu hút thêm lượng khách hàng mới.

- Nghiên cứu xây dựng danh mục sản phẩm tín dụng đa dạng, tập trung vào 10 nhóm ngành trọng tâm; Hoàn thiện chính sách tín dụng, cải tiến quy trình, giảm thiểu tối đa thời gian giải quyết hồ sơ cho vay nhưng vẫn đảm bảo quản lý tốt rủi ro.

- Tiếp tục triển khai chương trình chấm điểm, xếp hạng tín dụng nội bộ theo hướng chặt chẽ hơn; Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro, tăng cường giám sát nợ và xử lý kịp thời các biểu hiện phát sinh nợ xấu.

- Tập trung tăng trưởng dư nợ tín dụng an toàn và hiệu quả. Rà soát đánh giá và nâng cao chất lượng tín dụng: thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ quy chế, quy trình cho vay, quy trình định giá tài sản bảo đảm và công tác nắm bắt thông tin khách hàng vay vốn tín dụng để hạn chế nợ xấu phát sinh và có các biện pháp xử lý kịp thời. Áp dụng chính sách mua nợ và cơ cấu lại doanh nghiệp đối với các ngành trọng tâm.

- Tích cực giải quyết nợ tồn đọng, thu lãi treo, không để nợ xấu phát sinh.

(iii) *Công tác Đầu tư*

- Rà soát, đánh giá lại các khoản đầu tư trong hạn mức vốn cho phép và tuân thủ quy định điều 103 Luật TCTD. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa rủi ro và tiếp tục xem xét đầu tư trong hạn mức vốn cho phép.

(iv) *Dịch vụ ngân hàng*

- Tích cực đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường thu nhập ngoài lãi, tăng tỷ lệ thu về dịch vụ ngân hàng.

- Tập trung tiếp thị sản phẩm dịch vụ thanh toán quốc tế và bán chéo các sản phẩm khác vào các lĩnh vực xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản, dịch vụ;

- Tập trung công tác phát triển thẻ VietABank, tăng thêm tiện ích thẻ, tiếp thị trả lương qua tài khoản, mở rộng mạng lưới cơ sở chấp nhận thẻ.

- Mở rộng ứng dụng của công nghệ thông tin. đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ, tiện ích đa dạng phục vụ khách hàng. Xây dựng Ngân hàng điện tử, Ngân hàng lưu động và triển khai các sản dịch vụ Ngân hàng điện tử mobile banking, Homebanking, internet banking.... nhằm tạo ra sự đa dạng hóa danh mục sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Thành lập trung tâm dịch vụ khách hàng nhằm tăng cường công tác phục vụ khách hàng, với mục tiêu phát triển thương hiệu của VietABank là "Ngân hàng thân thiện và được khách hàng ưa chuộng nhất".

- Tăng cường quảng bá hình ảnh, sản phẩm dịch vụ thẻ Advance thông qua phát triển Hệ thống merchant, các sản phẩm về kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế. Khai thác các phương tiện thông tin đại chúng phát triển các chương trình truyền thông. đảm bảo các sản phẩm thẻ được đưa đến khách hàng nhanh chóng và chính xác.

(v) *Công tác nhân sự*

- Tiếp tục triển khai thực hiện tái cấu trúc Ngân hàng, sắp xếp các phòng ban theo hướng chuyên môn hóa nhằm tăng hiệu quả công việc.

- Tuyển dụng, bố trí nhân sự theo định hướng kinh doanh cho các hoạt động về hoạt động vốn, cho vay, đầu tư, tái cấu trúc doanh nghiệp, phát triển các dịch vụ của Ngân hàng.

- Xây dựng chiến lược tổng thể về nhân sự và đào tạo. xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân sự có trình độ chuyên môn, có tư cách đạo đức để bổ sung cho đội ngũ nhân viên. Xây dựng các chương trình đào tạo kỹ năng, phong cách giao tiếp, văn hoá ứng xử chuyên nghiệp.

(vi) *Công tác khác*

- Hoàn thiện quy trình kiểm toán nội bộ trên cơ sở xác định mức độ rủi ro của các nghiệp vụ nhằm ngăn ngừa các sai sót phát sinh, giảm thiểu rủi ro đảm bảo tính an toàn và hiệu quả cho hoạt động của Ngân hàng.

- Chú trọng công tác quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cấp, phát triển và khai thác tốt Website VietABank.

(vii) *Mở rộng mạng lưới hoạt động*

- Rà soát, đánh giá quy hoạch lại mạng lưới và xác định nhiệm vụ trọng tâm cho từng địa điểm kinh doanh.

- Kế hoạch trong năm 2019 VietABank sẽ khai trương 07 (Bảy) điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm giao dịch lên thành 98 điểm.

- Xin phép để mở mới các Chi nhánh/Phòng Giao dịch theo qui định của Ngân hàng Nhà nước và qui mô vốn điều lệ của VietABank.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:
- *Quý Cổ đông;*
- *TV HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP.HĐQT.*

M.S.D.N: 0302963695 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á - Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Phương Xuân Thụy

PHỤ LỤC 1

Dự kiến thay đổi cơ cấu sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trước và sau khi tăng vốn điều lệ

STT	Tên cổ đông	Thông tin định danh		Trước khi tăng vốn		Sau khi tăng vốn	
		Số CMND/Hộ Chiếu/Căn cước công dân/Mã số Doanh nghiệp	Ngày cấp, Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông lớn**						
1	CTCP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	103016068	07/03/2007 - Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội	37,983,600	10.850%	54,316,548	10.850%
2	Công ty CP Rạng Đông	3400181691	06/09/2007 - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Thuận	32,686,998	9.330%	46,742,407	9.330%
3	Công ty CP Đầu tư và phát triển Hòa Bình	2300335233	09/06/2008 - Sở kế hoạch đầu tư Bắc Ninh	32,009,333	9.140%	45,773,346	9.140%
4	Văn phòng thành ủy TP HCM			22,105,686	6.310%	31,611,130	6.310%
II	**Thành viên HĐQT**						

STT	Tên cổ đông	Thông tin định danh		Trước khi tăng vốn		Sau khi tăng vốn	
		Số CMND/Hộ Chiếu/Căn cước công dân/Mã số Doanh nghiệp	Ngày cấp, Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phương Hữu Việt	011816662	29/09/2011; CA TP Hà Nội	15,826,500	4.520%	22,631,895	4.520%
2	Phan Văn Tới	020240648	27/07/2004; CA Tp.Hồ Chí Minh	0	0.000%	0	0.000%
3	Phương Xuân Thụy	027077000245	29/06/2016; Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0.000%	0	0.000%
4	Trần Tiến Dũng	023282056	07/03/2012; CA Tp.Hồ Chí Minh	3,165,300	0.900%	4,526,379	0.900%
5	Nguyễn Văn Hảo	036072000134	22/01/2015; Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0.000%	0	0.000%
6	Nguyễn Thị Lan Hương	012332358	26/10/2011; CA. Hà Nội	0	0.000%	0	0.000%
III	**Thành viên Ban Kiểm soát**						
1	Nguyễn Kim Phượng	350759425	03/04/2018; CA An Giang	1,055	0.000%	1,508	0.000%

STT	Tên cổ đông	Thông tin định danh		Trước khi tăng vốn		Sau khi tăng vốn	
		Số CMND/Hộ Chiếu/Căn cước công dân/Mã số Doanh nghiệp	Ngày cấp, Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
2	Hoàng Vũ Tùng	011539839	24/10/2007; CA TP Hà Nội	0	0.000%	0	0.000%
3	Nguyễn Thị Hoan	001178003768	10/02/2015; Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0.000%	0	0.000%
III	**Tổng Giám đốc**						
	Nguyễn Văn Hảo	036072000134	22/01/2015; Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0.000%	0	0.000%
Tổng cộng				**143,778,472**	**41.070%**	**205,603,213**	**41.070%**